

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Từ Lâm S, sinh năm 1963, địa chỉ: 1, phường 1, thành phố 1, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thân Thị Thu Ph, sinh năm 1996; Địa chỉ: 1, đường số 02, khu nhà 3, Lê Trọng T, khu phố 2, phường 3, thành phố 3, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Tiến Đ, sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1973, địa chỉ: Số 1 Đại lộ Bình Dương, tổ 1, khu 1, phường 1, thành phố 1, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày

Ông S có cho vợ chồng ông Đ và bà X vay mượn tiền nhiều lần. Cụ thể các lần ông S cho ông Đ, bà X vay tiền như sau:

Lần 1: Vào khoảng tháng 02/2021 vợ chồng ông Đ, bà X vay của ông S số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng, với mức lãi suất là 03%/tháng. Do hai bên có mối quan hệ quen biết từ trước nên tin tưởng và vì cho vay ngắn hạn nên việc vay tiền được hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không lập giấy tờ vay mượn. Tại thời điểm cho vay, ông Đ và bà X không có giao tài sản nào để cầm cố, thế chấp nhằm bảo đảm cho việc trả nợ. Đến nay, số tiền nợ vay này đã quá hạn nhưng ông S vẫn chưa nhận được số tiền gốc và lãi nào từ vợ chồng ông Đ, bà X.

Lần 2: Khoảng vào đầu tháng 5/2021 vợ chồng ông Đ, bà X tiếp tục vay thêm của ông S số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng với mức lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói nên không lập giấy tờ. Khi ông Đ, bà X vay khoản tiền này cũng không thế chấp, cầm cố tài sản nào cho ông S để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ. Đến nay, số tiền gốc và lãi của khoản vay này ông Đ, bà X vẫn chưa thanh toán.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 5/2021, ông S giao tiếp cho ông Đ, chồng bà X số tiền 1.250.000.000 đồng, thời hạn cho vay cũng được thỏa thuận là 01 tháng, với mức lãi suất là 03%. Lần này, vợ chồng ông Đ vay tiền của ông S có nói là để mua đất đầu tư nên cũng không có cầm cố, thế chấp tài sản nào khi vay. Thỏa thuận này được ông Đ xác nhận tại file ghi âm nói chuyện. Đến nay, khoản tiền vay này ông Đ, bà X cũng chưa trả nợ gốc lẫn lãi cho ông S.

Lần 4: Vào ngày 25/6/2021, ông Đ, bà X vay thêm của ông S số tiền 2.350.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng, mức lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng được viết bằng giấy tay. Lần vay này, ông S cũng không có nhận tài sản nào để thế chấp, cầm cố nhằm bảo đảm việc thực hiện trả nợ từ vợ chồng ông Đ. Đến nay, khoản nợ vay cũng đã quá hạn nhưng ông S vẫn chưa nhận được gốc và lãi.

Mỗi lần vay tiền, ông Đ là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy nhận tiền. Tổng số tiền nợ mà vợ chồng ông Đ, bà X đã vay của ông S là 4.350.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền vay đã quá hạn, nhưng ông Đ, bà X không chịu trả nợ, mặc dù có điều kiện và khả năng thanh toán. Việc ông Đ và bà X cố tình không chịu trả khoản nợ vay đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S.

Vì vậy, nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây: Buộc ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X liên đới chịu trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền gốc đã vay cho tôi là 4.350.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc X: Tòa án ban hành và tổng Đ hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa

vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bà X cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Lâm S đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Từ Lâm S số tiền 2.350.000.000 đồng vì ông S chứng minh được ông Dũng và ông S là một người. Ông S cho rằng ông cho ông Đ, bà X vay tiền 3 lần vào thời gian khoảng tháng 2/2021, 02 lần vào tháng 5/2021 với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, ông S cho rằng do tin tưởng nên không viết giấy vay, ông cung cấp đoạn ghi âm và văn bản giải trình đoạn ghi âm nhưng nội dung không thể hiện ông S, bà X vay của ông S số tiền trên, ông S không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Từ Lâm S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc X phải trả số tiền đã vay là 4.350.000.000 đồng, bị đơn có địa chỉ ở Số 15500/65/11 Đại lộ Bình Dương, tổ 03, khu 6, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Từ Lâm S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải trả số tiền đã vay là 4.350.000.000 đồng. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Tòa án ban hành và tổng Đ hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa

vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bà X, ông Đ cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Từ Lâm S cho bị đơn ông Đ, bà X mượn tiền 04 lần với tổng số tiền 4.350.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1, vào khoảng tháng 02/2021 ông S cho vợ chồng ông Đ, bà X vay số tiền là 150.000.000 đồng. Lần 2: Khoảng vào đầu tháng 5/2021 ông S cho vợ chồng ông Đ, bà X tiếp tục vay số tiền 600.000.000 đồng. Lần 3: Khoảng giữa tháng 5/2021, ông S cho ông Đ, chồng bà X vay tiếp số tiền 1.250.000.000 đồng. Lần 4: Vào ngày 25/6/2021, ông Đ, bà X vay thêm của ông S số tiền 2.350.000.000 đồng, được viết bằng giấy tay. Tất cả các lần vay có thời hạn cho vay là 01 tháng, mức lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng

Xét, ông S cho rằng ông cho ông Đ, bà X vay tiền 3 lần vào thời gian khoảng tháng 2/2021, 02 lần vào tháng 5/2021 với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, ông S cho rằng do tin tưởng nên không viết giấy vay, ông cung cấp đoạn ghi âm và văn bản giải trình đoạn ghi âm nhưng nội dung không thể hiện ông S, bà X vay của ông S số tiền trên, ông S không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với lần vay tiền thứ 4 vào ngày 25/6/2021, ông S cho ông Đ, bà X vay thêm số tiền 2.350.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng, mức lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng được viết bằng giấy tay, xét giấy mượn tiền ghi “có mượn anh Dũng 2.350.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), chia 2 đợt tiền lãi 12 tây hàng tháng, 25 tây hàng tháng, đưa lại anh Dũng, người mượn Đ, Nguyễn Quang Tiến Đ đã ký. Việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 25/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ Luật Dân sự.

Tuy nhiên, nội dung giấy mượn tiền thể hiện anh Dũng là người cho mượn tiền, ông S cho rằng đó là tên thường gọi ở nhà của ông, ông cung cấp giấy xác nhận của địa phương thể hiện tên Dũng là tên gọi khác của ông S, do đó, lời trình bày của ông S là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên ông S cho rằng ông cho vợ chồng ông Đ, bà X cùng mượn tiền nên yêu cầu cùng liên đới trả nợ cho ông. Ông S không cung cấp chứng cứ thể hiện ông Đ, bà X cùng mượn tiền ông hoặc ông Đ mượn tiền ông sử dụng vào mục đích gì nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc bà X cùng liên đới với ông Đ trả tiền cho ông S.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đ, bà X không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và được xem từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 2.350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự

Về nợ lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Lâm S đối với bị đơn là ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Từ Lâm S số tiền tổng cộng 2.350.000.000 đồng.

Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Lâm S đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Từ Lâm S số tiền 2.350.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải nộp số tiền 79.000.000 đồng

- Ông Từ Lâm S phải chịu 72.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 56.175.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000544 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Ông S còn phải nộp thêm 15.825.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN